

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành  
Dự án Trụ sở làm việc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1052/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 và số 1138/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án Trụ sở làm việc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1032/TTr-STC ngày 28/01/2026 về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành); đề nghị của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa tại Tờ trình số 6470/TTr-BCH ngày 18/11/2025 (kèm theo hồ sơ).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Trụ sở làm việc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Địa điểm xây dựng: Số 271 đường Nguyễn Phục, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2025.

**Điều 2. Kết quả đầu tư****1. Chi phí đầu tư:***Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung                    | Tổng mức đầu tư được phê duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|-----|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
|     | <b>Tổng cộng</b>            | <b>150.981.084.000</b>         | <b>142.162.402.380</b>            |
| 1   | Chi phí bồi thường GPMB     | 2.398.997.000                  | 2.398.997.000                     |
| 2   | Chi phí xây dựng + thiết bị | 136.435.053.476                | 132.433.673.300                   |
| 3   | Chi phí QLDA                | 2.044.291.425                  | 1.921.418.280                     |
| 4   | Chi phí tư vấn ĐTXD         | 5.098.432.351                  | 4.868.181.900                     |
| 5   | Chi phí khác                | 1.215.686.680                  | 540.131.900                       |
| 6   | Chi phí dự phòng            | 3.788.623.068                  |                                   |

**2. Vốn đầu tư:***Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung           | Tổng mức đầu tư được phê duyệt | Thực hiện                         |                        |                        |                     |
|-----|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------|
|     |                    |                                | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân    | Số còn được thanh toán | Số vốn phải thu hồi |
|     | <b>Tổng số</b>     | <b>150.981.084.000</b>         | <b>142.162.402.380</b>            | <b>133.068.931.800</b> | <b>9.093.471.000</b>   |                     |
| 1   | Vốn ngân sách tỉnh | 150.981.084.000                | 142.162.402.380                   | 133.068.931.800        | 9.093.471.000          |                     |

**3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:***Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung                          | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                          | Giao đơn vị khác quản lý |                          |
|-----|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                   | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi (nếu có) |
|     | <b>Tổng số</b>                    | <b>142.162.402.380</b>   |                          |                          |                          |
| 1   | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 142.162.402.380          |                          |                          |                          |
| 2   | Tài sản ngắn hạn                  |                          |                          |                          |                          |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không hình thành tài sản: Không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có): Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung           | Số tiền                | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|---------|
|     | <b>Tổng số</b>     | <b>142.162.402.380</b> |         |
| 1   | Vốn ngân sách tỉnh | 142.162.402.380        |         |

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 09/10/2025:

a. Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

b. Tổng nợ phải trả: 9.093.471.000 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại Phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thanh toán các khoản công nợ theo số liệu phê duyệt.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản (Viện Nông nghiệp Thanh Hóa): Được phép ghi tăng tài sản.

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT              | Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/<br>cố định | Tài sản<br>ngắn hạn |
|------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------|
| 1                | Viện Nông nghiệp Thanh Hóa   | 142.162.402.380             |                     |
| <b>Tổng cộng</b> |                              | <b>142.162.402.380</b>      |                     |

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Sở Tài chính, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán Dự án (trong đó có trách nhiệm báo cáo giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán...).

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Viện trưởng Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTTT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, NNMT, CNXDKH<sub>HĐXD\_TM.11</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**